TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Đức Đông và ông Phạm Văn Quang .

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2019/TLST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Đình N,** sinh năm 1987 tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tư do; Trình độ văn hóa: 12/12

Con ông Phạm Hiến Th (đã chết) và bà Phạm Thị Th; vợ: Lê Thị H, sinh năm 1992; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 đến ngày 15/02/2019. Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. **Phương Hồng Th,** sinh năm 1984 tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông Phương Kim Q và bà Lê Thị Th; Vợ: Lê Thị V, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Bản án sơ thẩm số 22 ngày 28/4/2014, TAND huyện C, tỉnh Hải Dương xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án phúc thẩm số 78 ngày 12/8/2014 của TAND tỉnh Hải Dương xử y án sơ thẩm. Th chấp hành xong bản án năm 2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 đến ngày 15/02/2019. Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. **Phương Kim H,** sinh năm 1986 tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Phương Kim G và bà Vũ Thị M. Vợ: Đỗ Thị H, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 đến ngày 15/02/2019. Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. **Trần Trung Q,** sinh năm 1975 tại xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Trần Trung X và bà Lê Thị L(đã chết). Vợ: Phạm Thị M sinh năm 1979; Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 đến ngày 15/02/2019. Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **Phạm Đình H1,** sinh năm 1972 tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10.

Con ông Phạm Đình H (đã chết) và bà Phạm Thị H (đã chết); Vợ: Vũ Thị Hồng Ph, sinh năm 1982(đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại tòa.

Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 12/02/2019, Phương Kim H, Phương Hồng Th, Trần Trung Q và Phạm Đình H1 đến nhà Phạm Đình N ở thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương chơi và ăn cơm tối. Khoảng 21 giờ cùng ngày, N, Q, H, Th cùng thống nhất đánh bạc sát phạt tiền lẫn nhau dưới hình thức đánh chắn. N đưa cho H1 20.000 đồng nhờ H1 đi mua hộ bài Chắn, đồng thời đưa cho H1 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để đổi tiền lẻ (loại có mệnh giá 10.000 đồng) để sử dụng vào việc đánh bạc. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày N, Th, Q, H cùng nhau ngồi xuống tấm thảm xốp tại vị trí nền nhà trong phòng khách cùng nhau đánh bạc, còn H1 ngồi xem. Cách thức chơi và mức độ sát phạt như sau: Bốn người chơi dùng bộ bài Chắn 100 quân chia đều làm 5 phần, mỗi phần 19 quân, người đánh trước được 20 quân, số còn lại để làm bài lọc được đặt trên đĩa. Người thắng của ván đó là người ù (tức là có đủ 6 chắn và 4 cạ); mức độ sát phạt là "xuông 20 dịch 10", tức là ù xuông (ù không có cước) thì mỗi người phải trả cho người ù 20.000 đồng, ù có cước thì mỗi cước được tính bằng 1 điểm (tức là dịch 1 cước bằng 10.000 đồng), cụ thể: ù Tôm được tính 4 điểm bằng 40.000 đồng, ù Lèo được tính 5 điểm bằng 50.000 đồng; ù tám đỏ, ù bạch định, ù bạch thủ chi được tính 8 điểm bằng 80.000 đồng, nếu một trong bốn người chơi ù có được các cước nêu trên thì 3 người còn lại đều phải trả tiền cho người ù theo số tiền quy định; nếu bốc hết quân bài lọc trên đĩa mà không có người ù thì ván chơi đó hòa.

Cứ như vậy, các đối tượng đánh bạc đến 23 giờ 30 phút cùng ngày bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 2.640.000 đồng, 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 chiếu thảm xốp, 01 đĩa sứ màu trắng; thu trên người N 580.000 đồng, Th 7.100.000 đồng, H 7.360.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.180.000 đồng, gồm: số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 2.640.000 đồng; thu giữ trên người các đối tượng số tiền dùng đánh bạc là 5.540.000 đồng (gồm của N 580.000 đồng, Th 2.100.000 đồng, H 2.860.000 đồng). Trong đó N khai sử dụng 1.200.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt trên người còn 580.000 đồng; Th khai có 7.350.000 đồng, dùng 2.350.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt trên người có 7.100.000 đồng (trong đó có 2.100.000 đồng sử dụng đánh bạc); H khai có 7.760.000 đồng, dùng 3.260.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt có 7.360.000 đồng (trong đó sử dụng vào việc đánh bạc là 2.860.000 đồng); Q khai sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt vứt toàn bộ số tiền còn lại trên chiếu bạc.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 8.180.000 đồng, 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 chiếc thảm xốp, 01 đĩa sứ màu trắng - là vật chứng của vụ án; số tiền 5.000.000 đồng thu trên người Phương Hồng Th; số tiền 4.500.000 đồng thu trên người Phương Kim H không sử dụng để đánh bạc, hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang đang quản lý chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 28/CT- VKS ngày 26/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H về tội "Đánh bạc", quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội " Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 về tội "Đánh bạc". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 phạm tội " Đánh bạc".

Về hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phạm Đình N: Xử phạt bị cáo Phạm Đình N từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành từ 07 tháng 21 ngày đến 09 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách Nhà nước. Giao bị cáo Phạm Đình N cho UBND xã H,

huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1,2 Điều 65; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phương Hồng Th: Xử phạt bị cáo Phương Hồng Th từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo thử thách từ 16 đến 20 tháng thời gian tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phương Hồng Th cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

" Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phương Kim H:

Phạt tiền bị cáo Phương Kim H từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trần Trung Q:

Phạt tiền bị cáo Trần Trung Q từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phạm Đình H1:

Phạt tiền bị cáo Phạm Đình H1 từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a,b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân đã qua sử dụng, 01 bộ bài chắn còn mới; 01 chiếc thảm xốp, 01 đĩa sứ màu trắng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.180.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Trả lại bị cáo Phương Hồng Th 5.000.000đ; Bị cáo Phương Kim H 4.500.000đ là tiền không dùng để đánh bạc.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án buộc các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 23 giờ 30 phút ngày 12/02/2019, tại nhà ở của Phạm Đình N ở thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương, N cùng với Phương Kim H, Phương Hồng Th, Trần Trung Q có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt tiền lẫn nhau dưới hình thức đánh "chắn", Phạm Đình H1 là người mua bài và đổi tiền lẻ để cho các bị cáo đánh bạc, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.180.000 đồng.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra. Từ những phân tích nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 phạm tội " Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Bình Giang truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tổ chức chặt chẽ nên xác định là vụ án đồng phạm giản đơn. Về tính chất vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi mang tính bột phát, không có ý định từ trước. Các bị cáo đều là quan hệ họ hàng, nhân ngày đầu xuân mời nhau ăn cơm và rủ nhau chơi đánh bạc, không phải là những người chơi cờ bạc chuyên nghiệp nên cũng cần cân nhắc về mặt hình phạt đối với các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo: Bị cáo Phạm Đình N là chủ nhà, chuẩn bị công cụ và trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất. Các bị cáo còn lại đồng phạm trong đó bị cáo

Phạm Đình H1 tuy không tham gia đánh bạc nhưng giữ vai trò giúp sức, giúp các bị cáo mua bài, đổi tiền để đánh bạc.

Trong vụ án này cả 5 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Các bị cáo N, Q, H1, H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Q có bố là ông Trần Trung X được Nhà nước tặng thưởng Huân chương nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Phương Hồng Th còn tích cực hợp tác với cơ quan Công an huyện trong việc phát hiện tội phạm được công an huyện xác nhận nên còn được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51BLHS.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo Phạm Đình N: Sử dụng số tiền đánh bạc ít.(1.200.000đ) Có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần xử phạt cải tạo không giam giữ cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Phương Hồng Th: Sử dụng 2.350.000đ để đánh bạc. Bị cáo còn tích cực hợp tác với cơ quan Công an huyện Bình Giang trong việc phát hiện tội phạm được công an huyện xác nhận nên còn được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51BLHS. Về nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 22 ngày 28/4/2014, TAND huyện C, tỉnh Hải Dương xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án phúc thẩm số 78 ngày 12/8/2014 của TAND tỉnh Hải Dương xử y án sơ thẩm. Th chấp hành xong bản án năm 2015; Tính đến lần phạm tội này bị cáo đã được xóa án tích. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt cách ly xã hội mà xử cho bị cáo mức án treo cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Phương Kim H sử dụng 3.260.000đ để đánh bạc, bị cáo Trần Trung Q sử dụng 1.000.000đ để đánh bạc; bị cáo Phạm Đình H1 không tham gia đánh bạc mà chỉ giúp các con bạc đi mua bài và đổi tiền lẻ giúp bị cáo N để đánh bạc. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; Có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên chỉ cần xử mức phạt chính là phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo đã áp dụng mức hình phạt chính là phạt tiền thì không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 8.180.000

đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước (gồm tiền thu trên chiếu bạc 2.640.000đ, thu tiền của các đối tượng dùng để đánh bạc: N 580.000đ, Th 2.100.000đ, H 2.860.000đ). Quá trình điều tra còn thu giữ 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 bộ chắn còn mới, 01 chiếc thảm xốp ; 01 đĩa sứ màu trắng là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a,b khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Số tiền đã thu giữ của các bị cáo gồm: Bị cáo Th 5.000.000đ; Bị cáo H 4.500.000đ là tiền không dùng để đánh bạc nên cần trả lại các bị cáo nhưng bảo thủ của bị cáo Th 200.000đ để nộp tiền án phí HSST; Bảo thủ của bị cáo H 4.500.000đ để nộp tiền phạt và án phí.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 phạm tội " Đánh bạc".

Về hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phạm Đình N:

Xử phạt bị cáo Phạm Đình N 10(mười) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 09 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Đình N cho UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1,2 Điều 65; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phương Hồng Th:

Xử phạt bị cáo Phương Hồng Th 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo thử thách 18 (mười tám) tháng, thời gian tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phương Hồng Th cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

" Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phương Kim H:

Xử phạt tiền bị cáo Phương Kim H 25.000.000đ(Hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trần Trung Q: Xử phạt tiền bị cáo Trần Trung Q 25.000.000đ(Hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phạm Đình H1:

Phạt tiền bị cáo Phạm Đình H1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a,b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ chắn 100 quân đã qua sử dụng, 01 bộ chắn còn mới, 01 chiếc thảm xốp, 1 đĩa sứ màu trắng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.180.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

Trả lại bị cáo Phương Hồng Th 5.000.000đ là tiền không dùng để đánh bạc nhưng bảo thủ 200.000đ để nộp tiền án phí HSST; Trả lại bị cáo Phương Kim H 4.500.000đ là tiền không dùng để đánh bạc nhưng bảo thủ để thi hành án khoản tiền phạt và tiền án phí HSST.

Các vật chứng trên hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2019 giữa Chi cục THADS huyện Bình Giang và Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Giang.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án buộc các bị cáo Phạm Đình N, Phương Hồng Th, Phương Kim H, Trần Trung Q, Phạm Đình H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Giang.
- Viện kiểm sát ND, Chi cục THADS H. Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh HD;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;

Nguyễn Thị Thiết